

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E505

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 19/07/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0001	Trần Văn	An	16/6/2000			
2	TA0002	Bùi Hoài	Anh	31/7/2020			
3	TA0003	Bùi Phương	Anh	26/12/2000			
4	TA0004	Bùi Thị Ngọc	Anh	3/7/2000			
5	TA0005	Đỗ Hoài	Anh	13/10/1999			
6	TA0006	Lê Thị Vân	Anh	9/10/2000			
7	TA0007	Lê Thị Vân	Anh	14/10/2000			
8	TA0008	Lê Vũ Việt	Anh	26/10/2000			
9	TA0009	Nguyễn Minh	Anh	3/6/2000			
10	TA0010	Nguyễn Phương	Anh	30/10/2000			
11	TA0011	Nguyễn Thị	Anh	25/4/1999			
12	TA0012	Nguyễn Thị Kim	Anh	10/10/2000			
13	TA0013	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/10/2000			
14	TA0014	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/1999			
15	TA0015	Nguyễn Thị Vân	Anh	3/7/2000			
16	TA0016	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26/3/1999			
17	TA0017	Phạm Duy	Anh	8/1/2000			
18	TA0018	Phạm Quang	Anh	12/6/2000			
19	TA0019	Phạm Thị Vân	Anh	9/12/2000			
20	TA0020	Phạm Thủy Vân	Anh	30/3/1999			
21	TA0021	Phạm Việt	Anh	13/9/2000			
22	TA0022	Trần Ngọc	Anh	4/1/1999			
23	TA0023	Trần Phương	Anh	26/12/1999			
24	TA0024	Trần Tiến	Anh	17/3/2001			
25	TA0025	Trịnh Thị Phương	Anh	10/8/2000			
26	TA0026	Vũ Ngọc Hoàng	Anh	21/12/2000			
27	TA0027	Đặng Ngọc	Ánh	1/11/2000			
28	TA0028	Đinh Phương Ngọc	Ánh	9/1/2000			
29	TA0029	Hoàng Thị Phương	Ánh	29/3/2000			
30	TA0030	Nguyễn Ngọc	Ánh	3/3/1999			
31	TA0031	Trịnh Thị	Ánh	22/10/2000			
32	TA0032	Nguyễn Xuân	Bách	19/2/2000			
33	TA0033	Nguyễn Thị	Bích	4/12/2000			
34	TA0034	Nguyễn Thị	Châm	12/7/2000			
35	TA0035	Nguyễn Thị Minh	Châm	15/1/2000			
36	TA0036	Nguyễn Linh	Chi	3/5/2000			
37	TA0037	Tạ Huyền	Chi	8/9/2000			
38	TA0038	Trịnh Khánh	Chi	13/10/2000			

39	TA0039	Đinh Văn	Chiến	8/10/1999			
40	TA0040	Phạm Minh	Chiến	7/2/2000			
41	TA0361	PHAN DUY	AN	27/09/1985			
42	TA0362	LÊ TUẤN	ANH	22/08/1975			
43	TA0363	TRẦN XUÂN	CƯỜNG	10/11/1996			
44	TA0364	NGUYỄN HỒNG	ĐIỆP	19/01/1986			
45	TA0365	NGUYỄN BÁ	ĐÔNG	21/01/1994			
46	TA0366	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	19/01/1978			
47	TA0367	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	13/09/1999			
48	TA0368	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	01/12/1980			
49	TA0369	TRẦN NGỌC	HOÀNG	05/06/1997			
50	TA0370	LẠI VŨ	HÙNG	22/10/1993			
51	TA0371	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	30/12/1997			
52	TA0372	TRẦN DUY	HƯNG	18/02/1981			
53	TA0373	TRỊNH THU	HƯƠNG	22/05/1987			
54	TA0374	NGUYỄN VĂN	KHIÊM	18/11/1984			
55	TA0375	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	LINH	04/06/1998			
56	TA0376	PHẠM VĂN	LONG	01/06/1984			
57	TA0377	DƯƠNG THỊ HOA	MAI	11/03/1994			
58	TA0378	NGUYỄN TẤN	PHÁT	14/10/1997			
59	TA0379	ĐỖ HOÀNG	PHƯƠNG	19/11/1982			
60	TA0380	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	020/8/1993			
61	TA0381	NGUYỄN HẢI	QUÂN	05/09/1998			
62	TA0382	PHAN NHƯ	QUỲNH	25/06/2000			
63	TA0383	NGUYỄN QUYẾT	THẮNG	20/11/1996			
64	TA0384	NGUYỄN MẠNH	THẮNG	20/11/1975			
65	TA0385	NGUYỄN VĂN	THIỆN	20/12/1987			
66	TA0386	PHƯƠNG MINH	THƯ	12/10/1985			
67	TA0387	TRẦN XUÂN	TRƯỜNG	04/06/1980			
68	TA0388	NGUYỄN TIỀN	CƯỜNG	10/9/1992			
69	TA0389	ĐÀM QUANG	MINH	5/25/1982			
70	TA0390	LÊ ĐỨC	THÀNH	12/3/1985			
71	TA0391	NGUYỄN HỒNG	SƠN	02/06/1985			
72	TA0392	Triệu Thị	Yến	25/05/1995			
73	TA0353	Lê Thị Thảo	Vân	1/9/2000			
74	TA0354	Lưu Thị	Vân	25/5/2000			
75	TA0355	Đỗ Đức	Việt	23/7/2000			
76	TA0356	Phạm Đức	Việt	19/10/2000			
77	TA0357	Trương Hoàng	Việt	3/9/2000			
78	TA0358	Nông Tuấn	Vũ	3/11/1999			
79	TA0359	Dương Thị	Yến	12/11/1999			
80	TA0360	Nguyễn Thị Hải	Yến	8/6/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)